

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020.

V/v: Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Khoa.

2. Bà Triệu Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 về vụ việc: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1939.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Hồ Ngọc L, sinh năm: 1978.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 56, thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà M có mặt, vợ chồng ông L, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị M thì:

Ngày 02/12/2017 bà cho vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T mượn 28.000.000đồng, giấy mượn tiền do vợ chồng bà T viết và ký nhận. Ngày 22/5/2009 bà T trả được cho bà 20.000.000đồng.

Ngày 08/01/2008 bà cho vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T mượn 14.000.000đồng, giấy mượn tiền do vợ chồng bà T viết và ký nhận. Ngày 01/6/2009 bà T trả được cho bà 20.000.000đồng.

Ngày 11/5/2008 bà cho vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T mượn 13.000.000đồng, giấy mượn tiền do vợ chồng bà T viết và ký nhận.

Khi cho mượn hai bên không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả khi nào bà có nhu cầu thì vợ chồng ông L, bà T trả.

Tổng cộng vợ chồng ông L, bà T trả được cho bà 40.000.000đồng nợ gốc, còn nợ lại bà 15.000.000đồng nợ gốc. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả cho bà 15.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi từ tháng 6/2009 đến nay với lãi suất ngân hàng.

*Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải vợ chồng ông L, bà T, thông báo không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được, tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho vợ chồng ông L, bà T, tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho vợ chồng ông L, bà T nhưng vợ chồng ông L, bà T không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, bà M yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả cho bà M 15.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi từ tháng 01/7/2009 đến nay với lãi suất 9%/năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M. Buộc vợ chồng Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T trả cho bà Phạm Thị M 15.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Phạm Thị M và bị đơn vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T vắng mặt. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt vợ chồng Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả cho ông Thống 15.000.000đồng nợ gốc và lãi suất của 15.000.000đồng nợ gốc từ ngày 01/7/2009 đến nay với lãi suất 9%/năm thì thấy rằng:

Ngày 02/12/2017 bà M cho vợ chồng ông L, bà T mượn 28.000.000đồng, ngày 22/5/2009 bà T trả được cho bà M 20.000.000đồng. Ngày 08/01/2008 bà M cho vợ chồng ông L, bà T mượn 14.000.000đồng, ngày 01/6/2009 bà T trả được cho bà M 20.000.000đồng. Ngày 11/5/2008 bà M cho vợ chồng ông L, bà T mượn 13.000.000đồng. Giấy mượn tiền đều do vợ chồng ông L, bà T viết và ký nhận. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Nay vợ chồng ông L, bà T còn nợ bà M 15.000.000đồng nợ gốc, bà M yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả cho bà M 15.000.000đồng nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn vợ chồng ông L, bà T, tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho vợ chồng ông L, bà T, tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho vợ chồng ông L, bà T, tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho vợ chồng ông L, bà T nhưng vợ chồng ông L, bà T không có ý kiến gì. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Tòa án đã thông báo cho vợ chồng ông L, bà T biết các giấy mượn tiền cho bà M cung cấp cho Tòa án nhưng vợ chồng ông L, bà T không phản đối, không có ý kiến gì.

Bà M yêu cầu vợ chồng ông T, bà L trả lãi suất của 15.000.000đồng nợ gốc từ ngày 01/7/2009 đến nay với lãi suất 9%/năm (tức 0,75%/tháng) đến nay là: $15.000.000\text{đồng} \times 0,75\%/tháng \times 135\text{ tháng} = 15.187.500\text{đồng}$ lãi thì thấy rằng:

Ngày 02/12/2017 bà M cho vợ chồng ông L, bà T mượn 28.000.000đồng, ngày 22/5/2009 bà T trả được cho bà M 20.000.000đồng. Ngày 08/01/2008 bà M cho vợ chồng ông L, bà T mượn 14.000.000đồng, ngày 01/6/2009 bà T trả được cho bà M 20.000.000đồng. Ngày 11/5/2008 bà M cho vợ chồng ông L, bà T mượn 13.000.000đồng. Giấy mượn tiền đều do vợ chồng ông L, bà T viết và ký nhận. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Do đó, bà M yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả cho bà M 15.187.500đồng lãi là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, cần buộc vợ chồng ông L, bà T trả cho bà M 15.000.000đồng nợ gốc. Không chấp nhận đối với số tiền 15.187.500đồng lãi bà M yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả cho bà M.

[4] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M nên buộc bị đơn vợ chồng ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 15.000.000đồng x 5% là 750.000đồng theo quy định của pháp luật. Án phí trên số tiền bà M không được chấp nhận là 759.375đồng án phí (15.187.500đồng x 5%) nhưng do bà M là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự cho bà M theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị M. Buộc vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị M 15.000.000đồng nợ gốc.

Không chấp nhận đối với số tiền 15.187.500đồng lãi bà Phạm Thị M yêu cầu vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T trả cho bà Phạm Thị M.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T phải chịu 750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Vũ